

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 3 – 2021

V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Đông.

2. Bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H - Sinh năm 1976.

ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn CH, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

2/ Bị đơn: Anh Lê Văn M - Sinh năm 1971.

ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn CH, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt và xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2020, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị và anh Lê Văn M được tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 24/01/1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do thời điểm đó chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Từ thời gian đó cho đến nay, chị và anh M vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định.

Chị và anh M chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, anh M thường xuyên uống rượu, không tin tưởng chị nên giữa hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau. Do mâu thuẫn nên khoảng tháng 10/2019 cho đến nay, chị và anh M đã sống ly thân, chị trở về nhà bố mẹ để ở. Anh M có đến gặp chị nhưng chị cương quyết không về đoàn tụ cùng anh M. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh M, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Do chị và anh M không đăng ký kết hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị và anh M theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, chị và anh M có 02 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 17/11/1994 và Lê Văn Nh, sinh ngày 25/05/1999. Hiện cả hai đã trưởng thành và trên 18 tuổi, con chung Lê Thị A đã kết hôn và có gia đình riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị và anh M tự thỏa thuận về phân chia tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn M trình bày quan điểm như sau:

Anh và chị Đặng Thị H được tự do tìm hiểu và vợ chồng có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1992-1993 tuy nhiên đến nay anh không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa anh và chị H. Anh M xác định anh và chị H chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nghi ngờ chị H có quan hệ với người khác dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh M cũng trình bày do mâu thuẫn nên ngày 05/10/2019 (âm lịch), chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống. Anh có đến tìm gặp chị H để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý nên hai bên đã ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay. Nay chị H làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa anh và chị H là vợ chồng, quan điểm của anh mong muốn hai bên đoàn tụ tuy nhiên nếu chị H cương quyết thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H.

Về con chung: Anh M xác định anh và chị H có 02 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 17/11/1994 và Lê Văn Nh, sinh ngày 25/05/1999. Hiện cả hai đã trưởng thành và trên 18 tuổi nên anh không đề nghị tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh M xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị H trình bày quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị. Bị đơn anh Lê Văn M vắng mặt và xin xét xử vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Thị H và anh Lê Văn M là vợ chồng.

Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu tòa án không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lê Văn M. Hiện chị H và anh M đều cư trú tại thôn CM (nay là thôn CH), xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị H và bị đơn anh Lê Văn M đều vắng mặt và đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H xác định chung sống như vợ chồng với anh Lê Văn M từ ngày 24/01/1993 và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do tại thời điểm đó chị H chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Từ đó cho đến nay, chị H và anh M cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Anh M xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 1992-1993 nhưng không xuất trình được tài liệu thể hiện việc anh có đăng ký kết hôn với chị H. Qua xác minh và qua rà soát, kiểm tra sổ sách về việc đăng ký kết hôn tại xã TH thể hiện trong Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn tại UBND xã TH các năm 1992, 1993, 2001, 2002 và 2003 không có thông tin đăng ký kết hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Lê Văn M, chị H và anh M chỉ chung sống với nhau như vợ chồng mà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó ý kiến của chị H về việc chị H và anh M chỉ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 và không làm thủ tục đăng ký kết hôn là có căn cứ. Vì vậy, có thể khẳng định mối quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh M là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Mặt khác, làm rõ được trong quá trình chung sống, chị H và anh M có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị H và anh Lê Văn M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2.2] Về con chung: Chị Đặng Thị H và anh Lê Văn M đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 17/11/1994 và Lê Văn Nh, sinh ngày 25/05/1999. Hiện các con chung của chị H, anh M đều đã trưởng thành và trên 18 tuổi. Chị H, anh M không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Đặng Thị H và anh Lê Văn M đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh M được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị H và anh Lê Văn M.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị H và anh Lê Văn M có 02 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 17/11/1994 và Lê Văn Nh, sinh ngày 25/05/1999. Hiện cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/00009521 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã TH, huyện Bình Giang;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Hải